

TÍN NGƯỠNG TÔN GIÁO CỦA NGƯỜI DAO Ở VIỆT NAM

(Tiếp theo kì trước)

VƯƠNG DUY QUANG^(*)

II. NHỮNG BIẾN ĐỔI TRONG ĐỜI SỐNG TÍN NGƯỠNG TÔN GIÁO CỦA NGƯỜI DAO Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

1. Đạo Tin Lành và sự hình thành Chi hội thánh Tin Lành Bắc Sơn.

Đạo Tin Lành xâm nhập vào Việt Nam rất muộn so với đạo Công giáo. Năm 1911, tổ chức Tin Lành “Hiệp hội Phúc âm và truyền giáo” (tên viết tắt là CMA) mới có cơ sở đầu tiên ở Đà Nẵng, đến năm 1924 hình thành Hội thánh Tin Lành Việt Nam. Trong khoảng thời gian ban đầu ấy, đạo Tin Lành hoạt động chủ yếu ở các tỉnh, thành phố miền đồng bằng và tìm hướng phát triển ảnh hưởng lên khu vực miền núi. Một trong những động thái đó là sự hiện diện của các nhà truyền giáo ở tỉnh Lạng Sơn và công cuộc truyền đạo vào các dân tộc thiểu số nơi đây thực sự bắt đầu. Họ đã sống cùng các cộng đồng này ở huyện Chi Lăng, Bình Gia, thị xã Lạng Sơn, và đã thu nạp được những tín đồ đầu tiên ở đây. Tuy nhiên, công việc truyền giáo ở người Tày, Nùng gặp rất nhiều khó khăn do sự phản ứng của đồng bào với đạo Tin Lành. Năm 1939, các nhà truyền giáo chuyển hướng truyền đạo vào nhóm dân tộc Dao ở huyện Bắc Sơn. Sau một thời gian cố gắng truyền giảng đức tin và giáo lý, 5 người Dao đầu tiên ở xã Trấn Yên đã “mềm lòng” với

Chúa, trở thành tín đồ Tin Lành và trong năm 1940, có tới hàng chục người Dao cải đạo theo tôn giáo này. Đạo Tin Lành đã từ thôn bản người Dao ở xã Trấn Yên lan sang một số người Dao xã Vũ Sơn rồi đến xã Tân Tri và Hội thánh Tin Lành Bắc Sơn ra đời. Theo báo cáo của cơ quan chức năng huyện Bắc Sơn, từ năm 1939 trở lại đây, đạo Tin Lành phát triển bình thường ở Bắc Sơn và chỉ tồn tại trong bộ phận người Dao. Từ năm 1991, địa phận của Chi hội thánh Tin Lành Bắc Sơn đã lan rộng ra các thôn bản người Dao ở 6 xã quanh núi Khau Kiêng và đến giữa năm 2001, số đồng bào theo Tin Lành ở đây đã lên tới 258 hộ, 1335 người (kể cả số chưa làm báp têm)⁽¹⁾. Nói như vậy không có nghĩa sự phát triển của đạo Tin Lành ở người Dao Bắc Sơn là hoàn toàn suôn sẻ. Những năm 1950 - 1968 là thời kì khó khăn của Chi hội thánh khi rất nhiều tín đồ ở các xã Trấn Yên, Tân Tri, Vũ Sơn, Đồng Ý có biểu hiện nhạt đạo và lơ lửng sinh hoạt. Có người trong ban chấp sự làm lễ cho tín đồ theo hình thức vừa cầu Chúa vừa cầu xin tổ tiên, thậm chí kiêm cả thầy cúng

*. NCV., Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

1. Vương Duy Quang. *Hội thánh Tin Lành Bắc Sơn: Quá khứ và hiện tại*. Đề tài khoa học cấp viện năm 2002. Phòng Thư viện, Viện Nghiên cứu Tôn giáo. tr. 2 - 5.

trong nghi lễ chữa bệnh⁽²⁾... Tuy nhiên, những xáo động ấy không ngăn cản được sự phát triển của tôn giáo Tin Lành ở người Dao nơi đây. Rõ ràng, nếu xét trên phương diện số lượng tín đồ, sự phát triển của đạo Tin Lành ở huyện Bắc Sơn trong mấy chục năm qua về cơ bản là một đồ thị tịnh tiến đều, không có đột biến đáng kể nào. Điều đáng lưu ý là, dưới góc độ tộc người, đạo Tin Lành chỉ tồn tại và phát triển trong cộng đồng người Dao, một dân tộc có tỉ lệ dân số rất nhỏ so với người Tày, Nùng, Kinh trong vùng và tập trung ở nhóm người Dao sống tại các xã quanh núi Khau Kiêng, ít xâm nhập vào được nhiều thôn bản người Dao khác trong huyện.

Cũng ở giai đoạn đầu, khi cộng đồng theo đạo nơi đây còn quá bé nhỏ, không có điều kiện để xây dựng nhà nguyện, phương thức hoạt động của Chi hội thánh chỉ tập trung sinh hoạt theo nhóm. Trải theo thời gian, Chi hội thánh Tin Lành Bắc Sơn phát triển cả về bề rộng và chiều sâu, đã có các cơ sở phục vụ cho sinh hoạt đạo tập thể⁽³⁾.

2. Hiện tượng Thìn Hùng và “đạo Dương Văn Minh” và sự chuyển biến thái độ của đồng bào Dao trong những khu vực chịu ảnh hưởng của Tin Lành.

2.1. Sự kiện Sủng Máng và vấn đề người Dao theo đạo.

Đầu năm 2001, một số người Dao ở xã Sủng Máng xuống xã Yên Lâm, huyện Hàm Yên để thăm Dương Văn Minh – thủ lĩnh của cái gọi là “*Tín ngưỡng Dương Văn Minh là tín ngưỡng duy nhất và mãi mãi về sau*” mới được thành lập và chuẩn bị ra mắt. Ngay sau đó, người ta mới biết toàn bộ

người Dao ở xã này đều đã theo đạo và đã theo đạo suốt 10 năm qua. Câu hỏi đặt ra là, *sự phát triển đạo ở đồng bào đã diễn ra như thế nào?*

Năm 1987, Dương Văn Minh vốn là người Hmông ở huyện Bảo Lạc tỉnh Cao Bằng di cư về sinh sống tại Tuyên Quang đã nghe theo đài FEBC tạo nên phong trào “xưng vua đón Vàng Trứ” ở huyện Hàm Yên. Người anh em đồng hao của ông cư trú ở huyện Bảo Lâm (Cao Bằng) cũng hưởng ứng theo Minh, từ đó nảy sinh một bộ phận người Hmông, người Dao vùng Bảo Lâm, Bảo Lạc tỉnh Cao Bằng theo đạo. Thông qua con đường cộng đồng và họ hàng thân thích, một người Dao ở xã Sủng Máng của huyện Mèo Vạc (Hà Giang) đã được tuyên truyền và theo Dương Văn Minh. Anh ta đã cùng một người Dao khác tiến hành tuyên truyền đạo cho người Dao ở xã Sủng Máng. Họ kêu gọi người Dao Tả Pan ở 4/5 thôn bản của xã vừa đăng kí theo đạo vừa quyên góp tiền cho Dương Văn Minh. Những ai đã chấp nhận theo Dương Văn Minh đều phải đem bát hương thờ cúng tổ tiên bỏ vào hốc đá và bỏ luôn tập quán truyền thống. Họ tuyên truyền rằng: “trời đất sẽ sập, nước ngập khắp nơi, ai theo Dương Văn Minh sẽ được sống, Minh là vua của cả người Hmông và người Dao”, người nào không nghe đều bị đe dọa. Đến tháng một năm 2001, đã có 174 hộ đồng bào Dao ở 4/5 thôn bản của xã Sủng Máng theo “đạo Dương Văn Minh” mà ông ta gọi là “*Tín ngưỡng Dương Văn Minh là*

2. Vương Duy Quang. *Hội thánh Tin Lành Bắc Sơn: Quá khứ và hiện tại*. Đề tài khoa học cấp viện năm 2002. Phòng Thư viện Viện Nghiên cứu Tôn giáo. tr 9 - 10.

3. Vương Duy Quang. *Hội thánh Tin Lành Bắc Sơn: Quá khứ và hiện tại*. Đề tài khoa học cấp viện năm 2002. Phòng Thư viện Viện Nghiên cứu Tôn giáo. tr. 9 - 10.

tín ngưỡng duy nhất và mãi mãi về sau”⁽⁴⁾.

Trong khi toàn bộ người Dao Tả Pan theo Dương Văn Minh thì vào cuối năm 1998, Cháng A Sâu cùng hai người Dao Đỏ ở xã Nam Quang, huyện Bảo Lâm tỉnh Cao Bằng đã đến làng Sủng Ú của người Dao Tiểu Bản xã Sủng Máng tuyên truyền về Thìn Hùng - “vua trời” cho đồng bào ở đây. Họ tổ chức làm lễ bỏ bần thờ tổ tiên cho những người theo đạo và giải thích cho đồng bào rằng: “phải đốt bần thờ thì từ nay mới không còn ốm đau, từ nay sẽ không còn “ma” nữa... Thìn Hùng sẽ giữ nhà cho, không ai phải lo lắng gì ...”. Thủ tục bỏ bần thờ được tiến hành trong 10 phút cho mỗi gia đình và chỉ thực hiện vào buổi đêm. Mỗi đêm, họ làm thủ tục này cho vài nhà, sau đó chủ nhà trả tiền công cho họ và còn mời họ ăn cơm, uống rượu. Cũng như những người Dao theo Dương Văn Minh, nhóm Dao theo Thìn Hùng đều hết sức giữ bí mật. Cho đến khi vụ việc bùng phát vào tháng một năm 2001, số người theo đạo đã gồm toàn bộ người Dao làng Sủng Ú, xã Sủng Máng với hơn 50 hộ, 350 người. Ngoài ra, còn có 28 hộ với 106 người Dao ở xã Niêm Sơn huyện Mèo Vạc cũng chấp nhận theo Thìn Hùng⁽⁵⁾.

2.2. Tình hình Thìn Hùng và Tin Lành ở các vùng khác thuộc miền núi phía Bắc Việt Nam.

Sau sự khởi đầu ở Sủng Máng, từ năm 1994, một số người Dao ở khu vực miền núi phía Bắc cũng bắt đầu tiếp nhận Thìn Hùng. Tại vùng Tây Bắc, các nhóm nhỏ người Dao cư trú ở huyện Mường Tè, Sìn Hồ, Tam Đường, Than Uyên, Mường Nhé của hai tỉnh Lai Châu và Điện Biên đã bỏ bần thờ tổ tiên để đến với “cứu thế” Thìn Hùng. Đến năm 2000, số người Dao theo Thìn Hùng ở tỉnh Lai Châu cũ là 256 hộ, 794 người. Tại tỉnh Lào Cai, sự

phát triển của hiện tượng Thìn Hùng diễn ra chủ yếu từ năm 1994 đến 2002 ở người Dao huyện Bát Xát với 53 hộ, 318 người; xã Thanh Kim huyện Sa Pa với 4 hộ, 25 người và 4 hộ, 28 người ở xã Gia Phú huyện Bảo Thắng⁽⁶⁾. Ở vùng Đông Bắc Việt Nam, tỉnh Cao Bằng là nơi điển hình của hiện tượng người Dao đi tìm đức tin mới. Năm 1998, trào lưu theo Thìn Hùng xuất hiện mạnh mẽ trong đồng bào Dao thuộc huyện Bảo Lâm, Bảo Lạc và Nguyên Bình với những diễn biến giống như hiện tượng Vàng Trứ ở người Hmông. Người ta loan tin “vua trời” - Thìn Hùng sẽ xuất hiện và mọi người phải chuẩn bị theo “vua Trời” để có cuộc sống sung sướng, tránh trời sập đất lở... Do đã được nghe nhiều thông tin “hù dọa” về phong trào “xưng vua đón Vàng Trứ” của người Hmông nên đồng bào Dao rất lo sợ. Họ đã cùng nhau quyên góp tiền và tổ chức đón Thìn Hùng nhưng không thấy Thìn Hùng xuất hiện. Một số người cầm đầu theo Thìn Hùng lại tuyên truyền rằng, năm 2000 Thìn Hùng chắc chắn sẽ về, ai không theo sẽ không còn cơ hội có cuộc sống sung sướng nữa,... những người Dao chân chất lại tiếp tục chờ đợi. Đến năm 2001, toàn tỉnh Cao Bằng đã có 361 hộ, 2.235 người Dao theo Thìn Hùng, tập trung đông nhất ở huyện Bảo Lạc rồi đến huyện Nguyên Bình và Bảo Lâm⁽⁷⁾.

4, 5. Vương Duy Quang. *Thực trạng và một số vấn đề cấp bách về tình hình đạo Vàng Trứ, Thìn Hùng và Tin Lành ở nhóm dân tộc Hmông và Dao thuộc vùng núi Bắc Việt Nam*. Báo cáo đề tài khoa học cấp bộ, tháng 8 năm 2002. Phòng Thư viện, Viện Nghiên cứu Tôn giáo. tr. 53 - 56.

6. Hà Đức Miêu. *Sự chuyển biến về thái độ của đồng bào Dao trong những khu vực chịu ảnh hưởng của Tin Lành*. Báo cáo chuyên đề tháng 9 năm 2005, tr. 23 - 26.

7. Ban Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Cao Bằng. *Một số giải pháp và chính sách đối với vấn đề tôn giáo trong vùng đồng bào các dân tộc thiểu số ở Cao Bằng*. Tháng 7 năm 2002, tr. 5 và 30.

Từ sau năm 2000, hiện tượng Thìn Hùng chuyển sang chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của Tin Lành. Tuy nhiên, trào lưu này vẫn chỉ bó gọn ở một số nhóm nhỏ người Dao đã theo Thìn Hùng - Tin Lành từ trước. Từ năm 2003, một số nơi bắt đầu có các hội nhánh Tin Lành và việc hình thành tổ chức này chỉ diễn ra thực sự mạnh mẽ từ đầu năm 2006 trở lại đây.

Có thể nói, kể từ khi bùng phát vấn đề người Dao theo đạo, hiện tượng này đã có những phát triển mang các sắc thái tôn giáo khác nhau, một nhóm người theo “đạo Dương Văn Minh” rồi dừng lại ở đó; đại bộ phận theo Thìn Hùng và chuyển sang Thìn Hùng - Tin Lành rồi trở thành cộng đồng chịu ảnh hưởng mạnh của Tin Lành. Trong bộ phận ấy đã có nhóm người thực sự có đức tin với Chúa ba ngôi của tôn giáo Tin Lành, nhóm khác vẫn chỉ dừng lại ở “cứu thế” Thìn Hùng - “vua Trời” của người Dao.

III. MỘT SỐ NHẬN XÉT VÀ KẾT LUẬN

1. Tín ngưỡng tôn giáo truyền thống ở người Dao là một bộ phận quan trọng cấu thành bản sắc văn hoá của dân tộc này.

Trong lịch sử tồn tại của người Dao, tín ngưỡng tôn giáo truyền thống của họ là một trong những yếu tố cơ bản tạo dựng nên sự cố kết của cộng đồng, giúp dân tộc này tồn tại bền vững trước thời gian, trước những biến cố của lịch sử. Trong những hoạt động tôn giáo ấy, Bàn Vương và việc thờ cúng tổ tiên giữ một vị trí quan trọng. Những lễ thức thờ cúng này không chỉ thể hiện sự kính trọng, lòng biết ơn đến ông tổ của dân tộc và những người đã khuất mà còn là những

biểu hiện giúp cho các thế hệ con cháu người Dao nhớ về cội nguồn. Bên cạnh đó, tục cấp sắc của đồng bào Dao không chỉ thể hiện đậm nét tính nhân văn mà thực sự là một hoạt động tôn giáo đặc sắc của nhân loại còn lưu giữ đến ngày nay. Mặt khác, họ cũng là một trong số ít những dân tộc có hệ thống tín ngưỡng nông nghiệp thật phong phú, thể hiện rõ văn hoá mưu sinh truyền thống của đồng bào trong nền kinh tế nông nghiệp nương rẫy.

Rõ ràng, cùng với hàng loạt các nghi lễ điển hình liên quan đến nông nghiệp, tục thờ cúng Bàn Vương, tổ tiên và những hoạt động của lễ cấp sắc ... đã góp phần quan trọng tạo nên nền văn hoá truyền thống khá rực rỡ của dân tộc này, nó thực sự là bộ phận không thể thiếu cấu thành bản sắc của người Dao.

2. Trong các dân tộc ít người ở miền núi phía Bắc, người Dao là một trong những cộng đồng tiếp nhận đạo Tin Lành sớm nhất với sự hình thành và phát triển đáng kể của Chi hội thánh Tin Lành Bắc Sơn.

Quả thật, nếu nhìn toàn cảnh bức tranh về tôn giáo của các cư dân bản địa vùng núi phía Bắc Việt Nam suốt một thế kỉ qua ta có thể thấy, người Hmông là một trong những dân tộc đầu tiên đến với đạo Công giáo bằng sự hiện diện của nhà thờ Công giáo ở Sa Pa (Lào Cai) ngay từ năm 1905 và người Dao chính là một trong những cộng đồng đến với đạo Tin Lành sớm nhất thông qua sự ra đời của Chi hội thánh Tin Lành Bắc Sơn. Điều chúng ta có thể khẳng định là, sự hiện diện của đạo Tin Lành ở người Dao trong suốt thời gian qua đã thể hiện rõ sự tồn tại của tôn giáo này trong cộng đồng người Dao dù nó chỉ bó gọn trong một bộ

phận dân tộc Dao ở khu vực Bắc Sơn. Và như đã trình bày ở phần đầu, nếu nhìn từ góc độ tín đồ, mức độ phát triển của đạo Tin Lành ở Bắc Sơn luôn như một đồ thị tiến dần đều, không có những đột biến đáng kể nào và cho đến nay, số lượng tín đồ ở đây lên tới hơn nghìn người, một con số rất đáng kể so với các Chi hội thánh Tin Lành ở vùng đồng bằng sông Hồng.

3. Sự xuất hiện của hiện tượng Thìn Hùng đánh dấu hành động đi tìm đức tin mới trong một bộ phận người Dao những năm cuối của thế kỉ XX.

Cho đến thời điểm trước khi diễn ra hiện tượng Thìn Hùng, trong dân tộc này chỉ có một bộ phận người Dao huyện Bắc Sơn tỉnh Lạng Sơn từ bỏ tín ngưỡng tổ tiên để đến với tôn giáo Tin Lành. Hành động ấy đã kéo dài suốt mấy chục năm và dần trở nên cố hữu. Đến thập kỉ 90, khi hiện tượng Thìn Hùng ra đời, cho dù những biểu hiện của nó không phải là sự xuất hiện ô ạt hay lan toả rộng khắp như ở người Hmông thì sự kiện này vẫn thực sự là cột mốc đánh dấu hành động đi tìm đức tin mới của một bộ phận người Dao những năm cuối của thế kỉ XX. Thực tế là, đồng bào đã tiếp nhận một hiện tượng tôn giáo (Thìn Hùng, Thìn Hùng Giêsu) mà ở giai đoạn hình thành và phát triển, nó thể hiện mạnh mẽ sự hỗn tạp giữa những yếu tố tín ngưỡng bản địa với Kitô giáo, đặc biệt là Tin Lành và cả những yếu tố khác không thuộc tôn giáo nào và sau này trở thành vấn đề chịu ảnh hưởng của Tin Lành mà sắc thái tôn giáo được thể hiện ở các mức độ khác nhau cả về đức tin, nhận thức và hành lễ. Đó là chưa kể một số người Dao theo “đạo Dương Văn Minh”. Tuy nhiên, hành động đó chỉ

diễn ra trong bộ phận nhỏ người Dao với số lượng không đáng kể và bùng phát lẻ tẻ ở một số tỉnh của miền núi Bắc Việt Nam.

4. Vấn đề bản sắc văn hoá của người Dao và những thách thức đặt ra hiện nay.

Điều có thể nhận thấy là, sự cải đạo đến với đức tin mới ở một bộ phận người Dao có nhiều điểm không giống người Hmông, nó không thể hiện sự xung đột mạnh mẽ trong cộng đồng, không thể hiện rõ các yếu tố nhạy cảm. Tuy nhiên, nó cũng tạo nên một số khía cạnh đáng quan tâm mà nổi bật là *những vấn đề liên quan đến văn hoá và bản sắc văn hoá của dân tộc này*. Những nghiên cứu của chúng tôi tại một số vùng người Dao đã cho thấy, bản sắc văn hoá của người Dao ở các vùng chịu ảnh hưởng của đức tin mới (trong đó có đạo Tin Lành) có những điều thực sự đáng quan ngại, là thách thức cho chính dân tộc này. Nhiều người Dao nơi đây quên mất lịch sử, cội nguồn của dân tộc mình, không nhớ nổi Bàn Vương (ông tổ của người Dao) là ai. Thậm chí, nhiều người già trong bản không kể nổi một đoạn văn trong “*Quá sơn bản*” - một văn bản cổ nổi tiếng mà trong truyền thống, bất cứ người Dao nào trưởng thành cũng đều biết đến. Văn hoá ứng xử truyền thống của đồng bào bị mai một, từ lâu những người Dao cải đạo không còn nhớ và cũng không còn tổ chức lễ “*ăn ước*” (*chuẩn miên, nặng xông*) - một hình thức họp cộng đồng làng rất quan trọng trong đời sống xã hội của đồng bào, mối quan hệ đồng tộc với nhóm người Dao không cải đạo trở nên lơ lửng ... Một số nơi, ngôn ngữ Dao - yếu tố cội nguồn của văn hoá Dao cũng bị mất dần vai trò của

nó trong cộng đồng. Người ta đọc kinh sách bằng tiếng Việt, hát thánh ca, nghe giảng đạo cũng đều bằng tiếng Việt (dù cả thầy giảng và người nghe đều là người Dao)⁽⁸⁾. Còn nhớ, khi đạo Tin Lành đến với người Dao, những người truyền đạo đã học tiếng Dao để tiếp cận đồng bào, dịch một số bài hát ca ngợi Đấng Cứu thế phiên âm sang tiếng Dao cho người Dao học. Đến những năm 50 và 60 của thế kỉ XX, một số người theo Tin Lành còn “bí mật” thực hiện cầu Chúa đi liền với cầu xin tổ tiên... Rõ ràng, những thay đổi ấy đã làm mất dần bản sắc dân tộc của nhóm người này, nó có phần khác khi so sánh với những người Hmông theo Công giáo ở Sa Pa và Trạm Tấu, bởi đã một thế kỉ trôi qua, người Hmông Công giáo vẫn duy trì nhiều nét văn hoá bản địa của mình (đặc biệt là ngôn ngữ và văn hoá ứng xử) đồng hành với quá trình gần mình với Chúa. Ngay trong nhóm người Dao mới chịu ảnh hưởng của Tin Lành thông qua các sự kiện Thìn Hùng, Thìn Hùng Giêsu và cả những người Dao theo “đạo Dương Văn Minh”, yếu tố “mảnh vỡ cộng đồng” cùng với hành động tiếp nhận đức tin mới cũng đã khiến đồng bào đánh mất đi nhiều thành tố của văn hoá cội

nguồn mà người Dao Sùng Máng là một trong những điển hình như vậy⁽⁹⁾.

Vai trò và tầm quan trọng của vấn đề bản sắc dân tộc đã được Đảng ta khẳng định trong đường lối, chính sách của Nhà nước Việt Nam, đặc biệt, trong nghị quyết TW 5 (khoá VIII) tháng 7 năm 1998, Đảng ta đã đưa ra chiến lược văn hoá trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nhằm xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Đó là nền tảng chính sách vô cùng quan trọng giúp người Dao nói riêng, các dân tộc thiểu số nói chung bảo tồn và phát triển nền văn hoá của mình trong bối cảnh của sự hội nhập, chuyển đổi và phát triển./.

8. Vương Duy Quang. *Thực trạng và một số vấn đề cấp bách về tình hình đạo Vàng Trú, Thìn Hùng và Tin Lành ở nhóm dân tộc Hmông, Dao thuộc vùng núi Bắc Việt Nam hiện nay*. Báo cáo đề tài khoa học cấp bộ, tháng 8 năm 2002. Phòng Thư viện, Viện Nghiên cứu Tôn giáo. tr. 84-85.

9. Vương Duy Quang. *Thực trạng và một số vấn đề cấp bách về tình hình đạo Vàng Trú, Thìn Hùng và Tin Lành ở nhóm dân tộc Hmông, Dao thuộc vùng núi Bắc Việt Nam hiện nay*. Báo cáo đề tài khoa học cấp bộ, tháng 8 năm 2002. phòng Thư viện Viện Nghiên cứu Tôn giáo. tr. 54.